

Bản án số: **85/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 26 - 9 - 2017

V/v: **“Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2017/QĐST- HNGĐ ngày 08/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T – 1980.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường T1 – 1975.

Cùng HKTT: 107/8, Tổ 2, khu 4, thị trấn TP, huyện TP, Đồng Nai.

Cùng chỗ ở hiện tại: 203, Tổ 1, ấp 2, xã PL, huyện TP, Đồng Nai.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T:

Chị và anh Nguyễn Trường T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2002. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện ĐQ, Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/8/2005. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị đã có đơn yêu cầu ly hôn, sau đó chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trường T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là: Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 25/5/2006. Trước đây, tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị tự nguyện giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T khai báo chị và anh T1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai báo chị và anh T1 không vay nợ ai và không ai vay nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, nợ riêng: Chị T khai báo không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Sổ hộ khẩu của các đương sự (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của chị T (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh (Bản sao). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị T không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Anh T1 vắng mặt đã được Tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T. Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Trường T1.

+ Về con chung: Chị T tự nguyện giao cháu Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 25/5/2006 cho anh T1 nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên đề nghị giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

+ Về tài sản chung: Chị T trình bày anh chị tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh T1 nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh T1 nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Phương T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 05/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Trường T1 – 1975, HKTT: Tổ 2, khu 4, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường T1, tranh chấp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 25/5/2006. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Trường T1. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị T là nguyên đơn, anh T1 là bị đơn trong vụ án.

[4]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Trường T1 là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã Nêu lần triệu tập họp lệ anh T1 đến Tòa án làm việc, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt nên không có lời khai của anh T1 và không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trường T1.

[5]. Về nội dung vụ án:

Chị T, anh T1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện ĐQ, Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/8/2005. Hôn nhân của chị T, anh T1 thực hiện đúng pháp luật. Do đó, khi chị T có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn và chị T đã có đơn yêu cầu được ly hôn, sau đó chị T đã rút đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cuộc sống chung vẫn không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Nên trong cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, cãi vã, tình cảm vợ chồng từ đó dần phai nhạt. Nay tình cảm không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường T1.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã Nêu lần tiến hành triệu tập anh T1 đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T1 không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh T1 không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thì thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc. Vì vậy, để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

chị T là cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường T1 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T, anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 25/5/2006. Khi ly hôn, chị T tự nguyện giao cháu N cho anh T1 nuôi dưỡng và sự tự nguyện này phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Đồng thời xét thấy anh T1 có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do vậy, yêu cầu này của chị T là đảm bảo quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cháu N cho anh Nguyễn Trường T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị Nguyễn Thị Phương T. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Chị T khai báo chị và anh T1 tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì không có lời khai của anh T1 nên khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị T khai báo không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì không có lời khai của anh T1 nên khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, khoản 2 Điều 227, 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T.
Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Trường T1.
2. Về con chung: Chị T, anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 25/5/2006.

Giao cháu Nguyễn Thị Phương N cho anh Nguyễn Trường T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005704 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú chuyển thành án phí.

Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Chị T được tính kể từ ngày tuyên án, anh T1 được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân xã PT, huyện ĐQ, Đồng Nai để ghi vào sổ hộ tịch (Theo GCNKH số 56, quyền số 01/2005);
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thịnh